

TÌNH TRẠNG BẢO TỒN CỦA 8 LOÀI THỰC VẬT NGUY CẤP, QUÝ HIẾM, CÓ GIÁ TRỊ KINH TẾ CAO TẠI VƯỜN QUỐC GIA PHONG NHA - KÊ BÀNG

ThS. BÙI NGỌC THÀNH; ThS. ĐINH HUY TRÍ; ThS. LÊ THỨC ĐỊNH; ThS. LÊ THUẬN KIÊN

Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng

Trong khuôn khổ nhiệm vụ khoa học và công nghệ: “Điều tra phân bố và đánh giá tình trạng bảo tồn của một số loài thực vật nguy cấp, quý hiếm, có giá trị kinh tế cao, đề xuất các giải pháp quản lý bảo tồn và phát triển tại Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng” nhóm nghiên cứu đã tiến hành điều tra thực địa, kết hợp với số liệu từ các công trình nghiên cứu trước đây tại Vườn Quốc gia (VQG) Phong Nha - Kẻ Bàng để xác định, đánh giá tình trạng bảo tồn của 8 loài thực vật nguy cấp, quý hiếm, có giá trị kinh tế cao tại địa phương, kết quả đạt được như sau:

1. Mun

1.1. Tình trạng phân bố

Kết quả điều tra tại VQG Phong Nha - Kẻ Bàng cho thấy, 8/24 khu vực có sự xuất hiện

của hai loài mun nói trên. Cụ thể:

Tần suất xuất hiện trung bình của 2 loài mun khá tương đối thấp chỉ 0,25 cây/km. Đối với 8 tuyến có mun phân bố, tần suất xuất hiện trung bình của loài mun sọc là 0,72 cây/1km và của loài mun sừng là 0,47 cây/km. Tần suất xuất hiện bình quân trên toàn bộ diện tích điều tra của các loài mun là 0,25 cây/1km.

1.2. Tình trạng loài

Vì là cây gỗ quý rất được ưa chuộng nên đã bị khai thác đến mức cạn kiệt, hiện đã trở nên hiếm hoi. Giai đoạn những năm 1990, việc khai thác gỗ mun không chỉ để dùng mà còn bán cho thương lái địa phương để làm đồ mộc dân dụng. Từ năm 1993 đến năm 2003 là giai đoạn gỗ mun bị khai thác mạnh nhất ở Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Nha, nay là VQG Phong

Bảng 1. Đặc điểm, khu vực phân bố của loài mun sọc và mun sừng tại Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng

TT	Các khu vực/tuyến điều tra	Chiều dài tuyến (km)	Số lượng cá thể			Tần suất xuất hiện/km	Tỷ lệ (%)
			Mun sọc	Mun sừng	Tổng cộng		
2	Khu vực Km 37	4	2		2	0,5	6,9
7	Khu vực Km 24 - 28 (đường 20)	4	3		3	0,75	10,34
9	Khu vực Km 44 (đường 20)	4	2		2	0,5	6,9
10	Khu vực biên giới Thượng Trạch	6	10		10	1,67	34,48
15	Khu vực Hung Nhắng - Động Thiên Đường	5	1		1	0,2	3,45
16	Khu vực Hung Lau - Bàn Cờ	5	1		1	0,2	3,45
18	Khu Vực Vực Trô - Cá Càn	5	6	3	9	1,8	31,03
23	Khu vực Ca-xai - Dân Hóa	3		1	1	0,33	3,45
	Tổng số km điều tra của 24 tuyến	106	25	4	29	0,27	100

Nha - Kẽ Bàng. Các khu vực từng bị khai thác nhiều nhất là khu vực Hung Thoòng, hang Én, Khe Ry, Cổ khu, Km 24, Bánh Lái, Dốc hóp, Hung Dạng, Hung Hiệu.

Hiện nay, vẫn còn tình trạng khai thác trái phép gỗ mun xảy ra tại khu vực Phong Nha - Kẽ Bàng, điển hình như vụ khai thác gỗ mun tại khu vực biên giới Thượng Trạch năm 2018-2019. Số liệu SMART tại Hạt Kiểm lâm VQG Phong Nha - Kẽ Bàng cũng cho thấy từ năm 2016 đến nay có 5 vụ khai thác gỗ mun bị phát hiện, xử lý.

- Phân hạng theo SDVN 2007: EN A1c,d, B1+2a.

- Phân hạng theo IUCN 2022: CR (Mã loài IUCN: 32821/9732503).

- Nghị định 84/2021/NĐ-CP: Nhóm IIA.

2. Huê

2.1. Tình trạng phân bố

Kết quả điều tra tại VQG Phong Nha - Kẽ Bàng cho thấy, chỉ có 1/24 khu vực điều tra có sự xuất hiện của loài huê tại tuyến Thung lũng Sinh Tồn. Tần suất xuất hiện trung bình của loài huê là rất thấp, chỉ 0,25 cây/km trên khu vực tuyến điều tra bắt gặp và 0,00009 cây/km trên tổng diện tích điều tra. Như vậy, có thể thấy rằng huê mộc là loài cây đã bị khai thác triệt để từ những năm trước đây và hiện nay đã bị đe dọa cực kỳ nghiêm trọng tại VQG Phong Nha - Kẽ Bàng.

2.2. Tình trạng loài

Loài đang bị đe dọa do mất môi trường sống và khai thác quá mức để lấy gỗ. Tình trạng thực tế tại VQG Phong Nha - Kẽ Bàng cho thấy bị khai thác cạn kiệt; huê bắt đầu được người dân quan tâm khai thác từ những năm 1998 với mục đích để bán. Trước đó, rất ít người dân khai thác để làm nhà cửa hoặc đồ dùng trong gia đình. Từ năm 2002-2005, gỗ huê mộc bắt đầu được thu mua với giá rất cao và cao gấp cả trăm lần so với các loài gỗ khác.

Dẫn chứng vụ 3 cây huê bị khai thác vào tháng 4 năm 2012 tại khu vực Hung Trí thuộc Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt có tọa độ địa lý 0621099 - 1941718 (trong vụ án 3 cây huê bị đốn hạ tại VQG Phong Nha - Kẽ Bàng) và 3 cây huê bị khai thác gần đây nhất (2 cây vào tháng 4/2013 có tọa độ địa lý 0630317 - 1935599 và 1 cây vào tháng 8/2013 có tọa độ địa lý 0631305 - 1937363) tại khu vực Cộp Bộ binh thuộc phân khu Phục hồi sinh thái có lẽ là những cây huê còn sót lại cuối cùng đã bị khai thác ở VQG Phong Nha - Kẽ Bàng. Hiện tại, loài cây này vẫn đang được người dân địa phương quan tâm săn lùng và tìm kiếm nhiều nhất trong tự nhiên.

- Phân hạng theo IUCN 2022: VU.

- Nghị định 84/2021/NĐ-CP: Nhóm IIA.

3. Trầm hương

3.1. Tình trạng phân bố

Kết quả thống kê từ 24 khu vực điều tra cho thấy, chỉ có 4 khu vực phát hiện được sự phân bố của cây trầm hương, gồm: Khu vực Thung lũng Sinh Tồn, khu vực Đòòng, khu vực biên giới Thượng Trạch và khu vực Km 24-28 đường 20. Tần suất xuất hiện trung bình của loài trầm hương trong tất cả 24 khu vực điều tra rất thấp chỉ có 0,06 cây/km, gồm 7 cá thể.

3.2. Tình trạng loài

Do có giá trị kinh tế cao nên cây trầm đã bị chặt phá hết sức bừa bãi để tìm kiếm trầm. Mặc dù cây có vùng phân bố tương đối rộng, nhưng với mức độ khai thác ồ ạt, thêm vào đó là nạn phá rừng trong quá khứ đã làm cho nguồn trầm hương ở Phong Nha - Kẽ Bàng giảm sút rõ rệt.

- Phân hạng SDVN: EN A1 c,d, B1+2b,c,e.

- Phân hạng theo IUCN 2022: CR.

4. Đinh tùng

4.1. Tình trạng phân bố

Trong 24 khu vực điều tra, có 7 khu vực xuất hiện loài đinh tùng, với tổng số lượng 56

cá thể. Tần suất xuất hiện trung bình trong tất cả 24 khu vực điều tra là 0,57 cây/km. Trong 7 khu vực có phân bố của đỉnh tùng, tần suất xuất hiện trung bình của loài là 1,95 cây/km.

4.2. Tình trạng loài

Loài có sự phân bố rộng, song mọc rải rác. Tình trạng bị đe dọa sẽ tăng lên nếu môi trường sống bị phá hủy. Tình trạng thực tế tại VQG Phong Nha - Kẻ Bàng cho thấy, loài đỉnh tùng ít phân bố ngoài tự nhiên, chỉ mọc rải rác tại một số địa điểm trong vùng lõi VQG.

- Phân hạng SĐVN 2007: VU A1,c,d, B1+2b,c.

- Phân hạng theo IUCN 2022: VU.

- Nghị định 84/2021/NĐ-CP: Nhóm IIA.

5. Sâm cau

5.1. Tình trạng phân bố

Tại VQG Phong Nha - Kẻ Bàng có 5 khu vực xuất hiện loài sâm cau với số lượng rất ít chỉ 10 cá thể. Tần suất xuất hiện trung bình trong tất cả 24 khu vực điều tra rất thấp, chỉ có 0,085 cây/km.

5.2. Tình trạng loài

Là cây thuốc được Nhân dân miền núi khai thác nhiều để làm thuốc sẽ dẫn đến cạn kiệt, thêm nữa, nạn phá rừng làm nương rẫy ở miền núi cho nên nơi cư trú bị xâm hại và thu hẹp. Tình trạng thực tế tại VQG Phong Nha - Kẻ Bàng cho thấy, rất hiếm gặp trong vùng lõi VQG cũng như ngoài vùng đệm và trong các khu rừng do cộng đồng, địa phương quản lý.

- Phân hạng theo SĐVN 2007: VU A1c,d.

6. Giảo cổ lam

6.1. Tình trạng phân bố

Trong 24 khu vực điều tra, có 11 khu vực xuất hiện loài giảo cổ lam. Tần suất xuất hiện trung bình trong tất cả 24 khu vực điều tra là 0,13 cây/km (đám).

6.2. Tình trạng loài

Khu phân bố bị chia cắt (chủ yếu mọc trên núi đá vôi), thường xuyên bị khai thác (cắt toàn

dây) tràn lan và quá mức (nhất là ở Cao Bằng, Lạng Sơn) để lấy nguyên liệu làm thuốc và bán qua biên giới Trung Quốc. Tình trạng thực tế tại VQG Phong Nha - Kẻ Bàng cho thấy, giảo cổ lam thường xuyên bị khai thác cả bụi, số lượng còn ít ngoài tự nhiên, tần suất bắt gặp tương đối ít trong vùng lõi và vùng đệm của VQG.

- Phân hạng theo SĐVN 2007: EN A1a,c,d.

7. Bảy lá một hoa

7.1. Tình trạng phân bố

Tại VQG Phong Nha - Kẻ Bàng có 5 khu vực xuất hiện loài bảy lá một hoa. Tần suất xuất hiện trung bình trong tất cả 24 khu vực điều tra rất thấp, chỉ có 0,07 cây/km.

7.2. Tình trạng loài

Tình trạng thực tế tại VQG Phong Nha - Kẻ Bàng cho thấy, bảy lá một hoa bị khai thác thường xuyên, ít gặp ngoài tự nhiên trong vùng lõi VQG và khu vực vùng đệm.

- Nghị định 84/2021/NĐ-CP: Nhóm IIA.

8. Ba kích

8.1. Tình trạng phân bố

Tại VQG Phong Nha - Kẻ Bàng có 4 khu vực xuất hiện loài ba kích. Tần suất xuất hiện trung bình trong tất cả 24 khu vực điều tra rất thấp, chỉ có 0,057 cây/km.

8.2. Tình trạng loài

Tình trạng thực tế tại VQG Phong Nha - Kẻ Bàng cho thấy, ba kích bị khai thác nhiều ngoài tự nhiên, ít bắt gặp trong vùng lõi và vùng đệm của VQG.

- Phân hạng theo SĐVN 2007: EN A1a,c,d.

9. Đánh giá mức độ đe dọa tại Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng

Từ kết quả điều tra khảo sát tại thực địa cũng như kế thừa các tài liệu, nhóm nghiên cứu đã tiến hành phân tích mức độ đe dọa tại địa phương của mỗi loài thuộc đối tượng điều tra bằng phương pháp của Waldren, 1998, dẫn từ Trần Minh Đức và cộng sự (2010). Tác giả tạm

Bảng 2. Mức độ đe dọa tại Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng

Tiêu chí đánh giá	Đặc trưng định lượng hay định tính	Điểm số chuẩn	Điểm số đánh giá cho mỗi loài thuộc đối tượng điều tra							
			Huê mộc	Mun	Đỉnh tùng	Trầm hương	Giáo cổ lam	Bảy lá một hoa	Sâm cau	Ba kích
1. Kích thước quần thể	(1.1). Trên 1000 cá thể	0								
	(1.2). 501 - 1000 cá thể	1								
	(1.3). 101 - 500 cá thể	2								
	(1.4). 51 - 100 cá thể	3			3					
	(1.5). 11 - 50 cá thể	4		4			4			
	(1.6). 5 - 10 cá thể	5				5		5	5	5
	(1.7). 1 - 4 cá thể	6	6							
2. Phân bố quần thể	Điểm ưu tiên = $4.(2p)^2/8$, trong đó p là tỷ lệ xuất hiện của quần thể loài nghiên cứu trong tổng số tuyến điều tra		1	0	0	0		0	0	
3. Độ hấp dẫn của loài	3.1. Loài không hấp dẫn.	0								
	3.2. Loài có gỗ, hoa hay lá hấp dẫn.	1	1	1	1	1	1	1	1	1
4. Độ hữu ích của loài	4.1. Loài không có tiềm năng được dùng ở địa phương.	0			0					
	4.2. Loài ít sử dụng.	1				1			1	1
	4.3. Loài có tầm quan trọng đối với người dân địa phương.	2	2	2			2	2		
5. Mức độ xa xôi	5.1. Loài chỉ mọc ở khu vực xa đường hay xa khu dân cư.	0	0	0	0	0				0
	5.2. Loài có một số quần thể mọc ở gần khu dân cư.	1						1	1	
	5.3. Loài có phần lớn quần thể mọc ở gần đường hoặc gần khu dân cư.	2					2			
6. Mức độ dễ xâm nhập	6.1. Loài có các quần thể mọc ở nơi rất khó xâm nhập.	0	0	0	0	0			0	0
	6.2. Loài có các quần thể mọc tập trung ở nơi rất dễ xâm nhập.	1					1	1		

7. Tính chuyên biệt về nơi sống	7.1. Loài xuất hiện ở nhiều nơi sống khác nhau.	0								
	7.2. Loài xuất hiện ở một số ít nơi sống.	1	1				1		1	1
	7.3. Loài có nơi sống rất hẹp.	2		2	2	2		2		
8. Mức độ tác động đến nơi sống của loài	8.1. Loài ít nhất có vài nơi sống ổn định.	0					0		0	0
	8.2. Loài có nơi sống phần nào không ổn định, hay bị đe dọa.	2	2	2	2	2		2		
	8.3. Loài có nơi sống không chắc còn tồn tại.	4								
Tổng điểm tối đa		22	13	13	10	11	11	14	9	8
Phân hạng mức độ đe dọa tại VQG Phong Nha - Kẻ Bàng			Đe dọa cao	Đe dọa cao	Bị đe dọa	Đe dọa cao	Đe dọa cao	Đe dọa cao	Bị đe dọa	Bị đe dọa

thời xếp hạng theo mức điểm như sau: đe dọa cao (trên 10 điểm); bị đe dọa (8-10 điểm) và đe dọa thấp (dưới 8 điểm). Kết quả phân tích được thể hiện Bảng 2.

Từ Bảng 2 cho thấy, có 5 loài thực vật nguy cấp, quý hiếm, có giá trị kinh tế cao nằm trong nhóm đe dọa cao ở Phong Nha - Kẻ Bàng là: Huệ, mun, trầm hương, giảo cổ lam, bảy lá một hoa; 3 loài nằm trong nhóm bị đe dọa là: Đinh tùng, sâm cau, ba kích.

Kết quả tính toán tình trạng bảo tồn của 8 loài thực vật nguy cấp, quý hiếm, có giá trị kinh tế cao tại VQG Phong Nha - Kẻ Bàng đã phần nào phản ánh được sự khai thác trái phép các loài này một cách ồ ạt trong quá khứ và hiện tại, dù đã được hạn chế đến mức thấp nhất nhưng vẫn còn xảy ra hàng năm. Các nhà quản lý cần phải xây dựng kế hoạch cụ thể để bảo tồn và phát triển các loài thực vật này trong thời gian tới ■

Tài liệu tham khảo:

1. IUCN, (2022, 2022), “The IUCN Red List of Threatened Species. Version 2022-1”.
2. Lê Thúc Định (2013), *Nghiên cứu thực trạng bảo tồn một số loài thực vật rừng quý, hiếm tại Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, tỉnh Quảng Bình*. Luận văn Thạc sĩ.
3. Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (2011), *Báo cáo tổng kết Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng 10 năm bảo tồn và phát triển*.
4. Nguyễn Quang Vĩnh (2012), *Đánh giá hiện trạng bảo tồn các loài thực vật thuộc ngành hạt trần (Gymnospermae) tại Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng*. Luận văn Thạc sĩ lâm nghiệp.
5. IUCN phần mềm Geocat (<http://geocat.kew.org/editor>).